

Bản án số: 160/2020/HSST

Ngày: 24/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1151/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn D, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2000, tại Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã X, huyện Y, tỉnh Z; chỗ ở hiện nay: Căn hộ số 123, chung cư X, số 123 Y, phường Z, Quận T, Thành phố N (không đăng ký tạm trú, tạm vắng); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị L; có vợ Ngô Thị H, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/5/2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Thanh L, sinh năm: 1986

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ số 123, chung cư X, số 123 Y, phường Z, Quận T, Thành phố N. (vắng mặt)

- Ông Lê Duy A, sinh năm: 1993

Chỗ ở hiện nay: T123 chung cư X, số 123 đường T, khu phố N, phường X, Quận Y, Thành phố Z. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989

Chỗ ở hiện nay: T123, tòa nhà A, số 123 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố T. (vắng mặt)

- Ông Lê Tiến A, sinh năm: 1998

Chỗ ở hiện nay: Xã X, huyện Y, tỉnh Z. (vắng mặt)

- Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1985

Chỗ ở hiện nay: 123 Ấp A, thành phố Y, tỉnh Z. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Mạnh P, sinh năm: 1992

Chỗ ở hiện nay: Xã X, huyện Y, tỉnh Z. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn D thuê chung với Trịnh Thanh L và Lê Tiến A căn hộ tại A1-11.12 chung cư Vinhomes Golden River, số 02 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1. Khoảng 21 giờ ngày 29/5/2020, D cùng L, Tiến A, Lê Duy A, Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh P tụ tập ăn uống tại căn hộ trên. Đến 23 giờ cùng ngày, D nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên vào phòng ngủ phía bên trái nơi D để đồ cá nhân, lấy ra từ trong vali 01 gói ma túy được cất giấu ở túi quần để sử dụng. Trong lúc sử dụng ma túy tại phòng ngủ phía bên trái thì lần lượt H, Tiến A vào phòng D đi vệ sinh nhìn thấy D đang sử dụng ma túy nên H và Tiến A cùng sử dụng ma túy chung với D. Đến khoảng 00 giờ 20 phút ngày 30/5/2020, Nguyễn Thị T là bạn của L đến căn hộ, T vào phòng ngủ phía bên trái nơi D, H, Tiến A đang sử dụng ma túy cùng sử dụng ma túy chung. Sau đấy, Tiến A qua phòng ngủ phía bên phải ngủ cùng L, Duy A.

Đến 00 giờ 40 phút ngày 30/5/2020, đoàn kiểm tra Công an Quận 1 và đội bảo vệ của tòa nhà Vinhomes Golden River tiến hành kiểm tra hành chính thì phát hiện trên bàn gỗ nhỏ trong phòng D có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, D khai là ma túy nên tiến hành thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại cơ quan điều tra D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của D phù hợp với lời khai của L, Duy A, Tiến A, P, H, T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, D khai nhận do nghiện ma túy nên ngày 22/5/2020, D đến quán bar Ruby, tỉnh Hải Dương mua 01 gói ma túy của 01 người phụ nữ chưa rõ nhân thân lai lịch với giá 500.000 đồng/gói rồi sử dụng một ít, phần còn lại D cất giữ trong vali đem theo vào Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng.

Theo bản kết luận giám định số: 921/KLGĐ-H ngày 05/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 gói nylon chứa tinh thể

không màu bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi Văn D và hình dấu Công an phường Bến Nghé, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,2207 gam, loại Ketamine.

Bản cáo trạng số: 180/CT-VKSQ1 ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Bùi Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù, phạt tiền bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 chứa chất ma túy bên trong có 1,2207 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định); 01 đĩa sứ màu trắng bị cáo D dùng để sử dụng ma túy.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng.

- Trả lại bị cáo D 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359321061874977, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Trả lại ông Nguyễn Mạnh P 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei 1: 862449043438338, số Imei 2: 862449043438320.

- Trả lại bà Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356724081615234.

- Trả lại ông Phạm Văn H 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354384068342757.

- Trả lại ông Lê Duy A 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 355220090105284, số Imei 2: 355221090105282.

- Trả lại ông Lê Thanh L 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353959102296639.

- Trả lại ông Lê Tiến A 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353982107940092; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358569075310393.

Tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, tờ tự khai, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định,... nên có căn cứ để kết luận bị cáo D đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng 1,2207 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Bị cáo đủ nhận thức để biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn động cơ cá nhân nên bất chấp xem thường pháp luật cố tình phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên cần có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và chưa có tiền án tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với Tiến A, H, T sử dụng chung ma túy với bị cáo D. Việc Tiến A, H, T là người nghiện có nhu cầu sử dụng ma túy và tự nguyện cùng nhau sử dụng. Tiến A, H, T không thỏa thuận mua ma túy để sử dụng chung với bị cáo D từ trước và bị cáo D cũng không lôi kéo, rủ rê hay chuẩn bị ma túy từ trước để cả nhóm cùng sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tiến A, H, T và không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo D về tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy” hoặc “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là có cơ sở.

[7] Đối với L, Duy A, P khai không biết việc bị cáo D tàng trữ và sử dụng ma túy. L, Duy A, P không sử dụng chung ma túy với bị cáo D và không biết Tiến A, H, T sử dụng ma túy cùng với bị cáo D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, Duy A, P là có cơ sở.

[8] Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo D, quá trình điều tra chưa truy tìm, xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh làm rõ có cơ sở xử lý sau.

[9] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 chứa chất ma túy bên trong có 1,2207 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định) cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa sứ màu trắng bị cáo D dùng để sử dụng ma túy là vật chứng của vụ án cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng thu giữ của bị cáo D. Bị cáo D khai dùng để sử dụng mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359321061874977 thu giữ của bị cáo D. Bị cáo D khai điện thoại để sử dụng liên lạc với gia đình, người thân. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho bị cáo D nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei 1: 862449043438338, số Imei 2: 862449043438320 thu giữ của ông Nguyễn Mạnh P. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho ông Nguyễn Mạnh P.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356724081615234 thu giữ của bà Nguyễn Thị T. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho bà Nguyễn Thị T.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354384068342757 thu giữ của ông Phạm Văn H. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho ông Phạm Văn H.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 355220090105284, số Imei 2: 355221090105282 thu giữ của ông Lê Duy A. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho ông Lê Duy A.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353959102296639 thu giữ của ông Lê Thanh L. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho ông Lê Thanh L.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353982107940092; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358569075310393 thu giữ của ông Lê Tiến A. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần xem xét để trả lại cho ông Lê Tiến A.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: Tuyên bố: Bùi Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Bùi Văn D 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2020.

Buộc bị cáo Bùi Văn D phải nộp phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Việc bị cáo Bùi Văn D nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy gói 01 (một) niêm phong ghi vụ số 912/20Q1 chứa chất ma túy.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 124/20-PNK ngày 20/7/2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tịch thu tiêu hủy gói 01 (một) đĩa sứ màu trắng bị cáo Bùi Văn D dùng để sử dụng ma túy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1.000đ (một nghìn đồng).

Trả lại bị cáo Bùi Văn D 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359321061874977 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 105/20-PNK ngày 03/7/2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Trả lại ông Nguyễn Mạnh P 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei 1: 862449043438338, số Imei 2: 862449043438320.

Trả lại bà Nguyễn Thị T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 356724081615234.

Trả lại ông Phạm Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354384068342757.

Trả lại ông Lê Duy A 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 355220090105284, số Imei 2: 355221090105282.

Trả lại ông Lê Thanh L 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353959102296639.

Trả lại ông Lê Tiến A 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353982107940092; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 358569075310393.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 73-20/PNK ngày 03/7/2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Bùi Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Bùi Văn D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn